

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17/4/2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Trường Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phương Thị Thúy Á**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Số A, ấp I, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Bùi Phước S**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Số A, ấp I, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phương Thị Thúy Á trình bày: Bà và ông **Bùi Phước S** chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn số 51/2010 ngày 17/12/2010 tại **Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Thời gian chung sống từ năm 2010 đến năm 2020 thì hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc và thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, ông **S** không chí thú làm ăn và chăm lo hạnh phúc gia đình. Bà và ông **S** đã sống ly thân từ

hơn 02 năm nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, bà xin được ly hôn với ông **Bùi Phước S.**

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Bùi Phương Thanh T**, sinh ngày 05/01/2012 và **Bùi Thị Phương M**, sinh ngày 17/6/2013. Bà **Á** xin dành quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Bùi Phước S** được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà **Á** và ông **S** là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Hiện tại hai cháu **Bùi Phương Thanh T** và **Bùi Thị Phương M** đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của các cháu được sống chung với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu cho bà **Á** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Á** không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông **Bùi Phước S** đang thường trú tại **xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương** và nguyên đơn bà **Phương Thị Thúy Á** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông **Bùi Phước S**, nhưng ông **S** vắng mặt trong các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án về việc khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Phương Thị Thúy Á**. Vì vậy,

Toà án căn cứ vào các Điều 5, 6, 91 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà **Phương Thị Thúy Á** và bị đơn ông **Bùi Phước S** chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn.

[4] Theo biên bản xác minh ngày 18/01/2024 tại UBND xã A về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà **Phương Thị Thúy Á** và ông **Bùi Phước S** thì địa phương không nắm rõ.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận cho bà **Phương Thị Thúy Á** được ly hôn với ông **Bùi Phước S**.

[6] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên **Bùi Phương Thanh T**, sinh ngày 05/01/2012 và **Bùi Thị Phương M**, sinh ngày 17/6/2013. Hiện nay hai cháu **T** và **M** đang ở với bà **Á**, các cháu đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của hai cháu được sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử sẽ giao hai cháu cho bà **Á** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với điều kiện và yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà **Á**. Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy bà **Á** không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và các Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Phương Thị Thúy Á** đối với bị đơn ông **Bùi Phước S** về việc “Tranh chấp ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà **Phương Thị Thúy Á** được ly hôn với ông **Bùi Phước S**.

3. Về con chung: Giao hai con chung tên **Bùi Phương Thanh T**, sinh ngày 05/01/2012 và **Bùi Thị Phương M**, sinh ngày 17/6/2013 cho bà **Phương Thị Thúy Á** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Phương Thị Thúy Á** không yêu cầu ông **Bùi Phước S** cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Bùi Phước S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà **Phương Thị Thúy Á** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005532 ngày 20 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã An Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Quang Dương